Xuất khẩu IPD

Việt Nam Giá cước lô hàng xuất khẩu

Dành cho International Priority DirectDistribution

(Giá cước chưa bao gồm các khoản phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu được áp dụng). [1]

Ngày có hiệu lực: 4 tháng 1 năm 2027

	khu vực							
Giá cước mỗi kg (VND)	A	B	C	D	E	F	G	H
1-44 KG	165.700	300.100	340.400	378.600	387.600	495.200	535.500	618.300
45-70 KG	158.800	289.000	327.100	365.200	371.900	477.200	515.300	593.800
71-99 KG	145.600	275.500	315.800	358.500	369.600	468.300	506.300	584.700
100-299 KG	132.000	264.000	302.400	335.400	360.400	456.600	492.600	568.700
300-499 KG	132.000	257.100	292.500	324.200	359.600	455.600	491.300	567.200
500-999 KG	131.800	256.800	292.500	323.900	359.600	455.600	491.300	567.200
1000+ KG	131.800	256.800	292.500	323.900	359.600	455.600	491.300	567.200
Phí cho mỗi địa chỉ (VND)	2.242.800	2.242.800	2.242.800	717.700	2.242.800	2.242.800	2.242.800	2.242.800

Chú thích:

[1] Phụ phí nhiên liệu và các khoản phí đặc biệt khác sẽ được áp dụng.

Ghi chú:

- Các dịch vụ được cung cấp trên cơ sở chỉ cam kết bằng hợp đồng. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết chi tiết.
- Mỗi gói hàng của một lô hàng FedEx IPD có thể có kích thước tối đa 108 in/274 cm chiều dài, 70 in/178 cm chiều cao và 130 in/330 cm chiều dài cộng chu vi thiết diện.
- Giá cước đã công bố chỉ nhằm mục đích tham khảo và có thể khác với giá cước cuối cùng được tính trong hóa đơn thanh toán của bạn sau khi làm tròn, đồng thời giá cước trong hóa đơn thanh toán sẽ được áp dụng và là khoản phải trả.
- Thuế được áp dụng chưa bao gồm trong tất cả các giá cước. Đối với các khoản phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu, vui lòng tham khảo trang Phụ Phí và Thông Tin Khác để biết chi tiết.
- Các mức giá trên được tính theo bước tăng 1 kg. Bất kỳ phần lẻ nào của một kilôgam vượt quá 0,01 kg sẽ được làm tròn lên mức trọng lượng tính cước kế tiếp.

➡ Vui lòng tham khảo Chỉ mục khu vực để biết phân loại khu vực chi tiết

Xuất khẩu IED

Việt Nam Giá cước lô hàng xuất khẩu

Dành cho International Economy DirectDistribution

(Giá cước chưa bao gồm các khoản phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu được áp dụng). [1]

Ngày có hiệu lực: 4 tháng 1 năm 2027

	khu vực							
Giá cước mỗi kg (VND)	A	B	C	D	E	F	G	H
1-44 KG	145.600	264.300	311.400	329.400	349.500	463.800	497.400	575.800
45-70 KG	141.100	255.100	300.100	315.900	336.100	445.800	479.400	555.700
71-99 KG	129.700	244.300	289.000	311.400	333.700	436.800	470.500	544.400
100-299 KG	118.500	232.800	277.600	299.800	324.700	425.500	458.900	532.600
300-499 KG	118.500	232.500	265.800	288.300	323.900	424.400	458.000	531.600
500-999 KG	118.400	232.300	265.800	288.100	323.900	424.400	457.800	531.600
1000+ KG	118.400	232.300	265.800	288.100	323.900	424.300	457.800	531.500
Phí cho mỗi địa chỉ (VND)	2.242.800	2.242.800	2.242.800	717.700	2.242.800	2.242.800	2.242.800	2.242.800

Chú thích:

[1] Phụ phí nhiên liệu và các khoản phí đặc biệt khác sẽ được áp dụng.

Ghi chú:

- Các dịch vụ được cung cấp trên cơ sở chỉ cam kết bằng hợp đồng. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết chi tiết.
- Mỗi gói hàng của một lô hàng FedEx IED có thể có kích thước tối đa 108 in/274 cm chiều dài, 70 in/178 cm chiều cao và 130 in/330 cm chiều dài cộng chu vi thiết diện.
- Giá cước đã công bố chỉ nhằm mục đích tham khảo và có thể khác với giá cước cuối cùng được tính trong hóa đơn thanh toán của bạn sau khi làm tròn, đồng thời giá cước trong hóa đơn thanh toán sẽ được áp dụng và là khoản phải trả.
- Thuế được áp dụng chưa bao gồm trong tất cả các giá cước. Đối với các khoản phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu, vui lòng tham khảo trang Phụ Phí và Thông Tin Khác để biết chi tiết.
- Các mức giá trên được tính theo bước tăng 1 kg. Bất kỳ phần lẻ nào của một kilôgam vượt quá 0,01 kg sẽ được làm tròn lên mức trọng lượng tính cước kế tiếp.

➡ Vui lòng tham khảo Chỉ mục khu vực để biết phân loại khu vực chi tiết

Chỉ mục khu vực

Việt Nam

BẢNG MÃ KHU VỰC: IPD = International Priority DirectDistribution IED = International Economy DirectDistribution

Ngày có hiệu lực: 4 tháng 1 năm 2027

Nơi nhận hàng	IPD	IED
ARGENTINA	G	G
AUSTRALIA	C	C
AUSTRIA	E	E
BELGIUM	E	E
BRAZIL	G	G
BULGARIA	F	F
CANADA	D	D
CHILE	G	G
CHINA	B	B
COLOMBIA	G	G
CROATIA	F	F
CYPRUS	F	F
CZECH REPUBLIC	F	F
DENMARK	E	E
ESTONIA	F	F
FINLAND	E	E
FRANCE	E	E
GERMANY	E	E
GREECE	E	E
HONG KONG	A	A
HUNGARY	F	F
INDIA	C	C
INDONESIA	A	A
IRELAND	E	E
ISRAEL	F	
ITALY	E	E
JAPAN	B	B
KUWAIT	H	
LATVIA	F	F
LITHUANIA	F	
LUXEMBOURG	E	E
MALAYSIA	A	A
MALTA	F	F
MEXICO	D	D
NETHERLANDS	E	E
NEW ZEALAND	C	C
NORWAY	E	
PHILIPPINES	A	A
POLAND	F	F
PORTUGAL	E	E
ROMANIA	F	F
SINGAPORE	A	A
SLOVAK REPUBLIC	F	F

Nơi nhận hàng	IPD	IED
SLOVENIA	F	F
SOUTH KOREA	B	B
SPAIN	E	E
SWEDEN	E	E
SWITZERLAND	E	
TAIWAN	B	B
THAILAND	A	A
U.S.A.	D	D
UNITED ARAB EMIRATES	H	H
UNITED KINGDOM	E	E

Xác định giá cước FedEx International DirectDistribution, bao gồm IPD và IED

1. Tìm khu vực cho nơi nhận hàng của bạn trong bảng mã khu vực.
2. Xác định tổng trọng lượng lô hàng (làm tròn đến kilôgam cao hơn tiếp theo).
3. Hãy nhân giá cước mỗi kilôgam hiển thị trong bảng giá cước với tổng trọng lượng của lô hàng.
4. Hãy nhân phí cho mỗi địa chỉ hiển thị trong bảng giá cước với số địa chỉ trong lô hàng của bạn.

Phụ phí và thông tin khác

(Chỉ dành cho các dịch vụ Xuất khẩu IPD và IED)

Việt Nam

Phụ phí nhiên liệu

Phần trăm phụ phí được điều chỉnh vào thứ Hai hàng tuần, dựa trên Chỉ số nhiên liệu máy bay phản lực của U.S. Gulf Coast và phần trăm này được áp dụng cho tổng phí vận chuyển (truy cập https://www.fedex.com/vi-vn/shipping/surcharges.html để biết phần trăm phụ phí nhiên liệu hiện hành).

Phụ phí theo nhu cầu

Trong những thời điểm lượng hàng hóa vận chuyển tăng cao kéo theo nhu cầu về tải trọng, chi phí vận hành gia tăng và nhiều áp lực khác tác động đến mạng lưới của chúng tôi, FedEx có thể áp dụng Phụ phí theo nhu cầu.

Phí xử lý đặc biệt

Chỉnh sửa địa chỉ: [1]

289.200 VND mỗi địa chỉ giao hàng

Nếu địa chỉ người nhận trên Hóa đơn hàng không, Vận đơn hàng không hoặc nhãn vận chuyển không đầy đủ hoặc không chính xác, chúng tôi sẽ cố gắng tìm địa chỉ chính xác rồi hoàn thành việc giao hàng (áp dụng phụ phí). Nếu không thể hoàn thành việc giao hàng, chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về việc không đáp ứng cam kết giao hàng. Với FedEx International Broker Select, phụ phí chỉnh sửa địa chỉ sẽ được áp dụng nếu địa chỉ của nhà môi giới trên Vận đơn hàng không hoặc chứng từ vận chuyển khác không đầy đủ hoặc không chính xác. Nếu chúng tôi không thể xác định địa chỉ đúng hoặc không liên hệ được với nhà môi giới, chúng tôi sẽ cố liên hệ với người gửi để xác minh địa chỉ hoặc để được hướng dẫn trả lại lô hàng. Nếu không thể hoàn thành việc giao hàng trong những trường hợp trên, chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về việc không đáp ứng cam kết giao hàng.

Phụ phí lập hóa đơn cho bên thứ ba:

2,5% tổng phí của lô hàng

Phụ phí lập hóa đơn cho bên thứ ba sẽ được áp dụng với các lô hàng được lập hóa đơn cho bên thứ ba. Phụ phí sẽ được tính cho người thanh toán của bên thứ ba.
Phụ phí này áp dụng khi FedEx xác định rằng số tài khoản của người gửi và số tài khoản lập hóa đơn của bên thứ ba không thuộc cùng một công ty.
Để xem định nghĩa và thông tin thêm về các lô hàng Lập hóa đơn cho bên thứ ba, vui lòng tham khảo các Điều khoản và điều kiện vận chuyển của FedEx.

Giao hàng thứ Bảy: [1]

384.400 VND mỗi địa chỉ giao hàng

***Phí xử lý hàng nhập:**

72.200 VND mỗi lô hàng. Đối với tất cả các lô hàng gửi đến Hoa Kỳ, các quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu (EU)*, Úc và New Zealand, khoản phí này được áp dụng để hỗ trợ công tác xử lý thủ tục thông quan lô hàng.

* Các quốc gia thành viên EU gồm: Áo, Bỉ, Bulgaria, Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Ireland, Ý, Latvia, Litva, Luxembourg, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Cộng hòa Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha và Thụy Điển. Lưu ý: Phí này không áp dụng đối với các lô hàng được vận chuyển giữa các quốc gia thành viên EU với nhau.

***Phụ phí Ngoài khu vực lấy hàng (OPA):**

707.000 VND mỗi lô hàng hoặc 14.700 VND mỗi kg, tùy theo số tiền nào lớn hơn

* FedEx áp dụng phụ phí cho các lô hàng đến những vùng bên ngoài khu vực mà nhân viên chuyển phát của FedEx đến lấy hàng (khu vực OPA). Danh sách mã ZIP và mã bưu chính của những vùng áp dụng các khoản phụ phí này cho các sản phẩm DirectDistribution có sẵn ở đây.

***Phụ phí giao hàng đến nơi cư trú:**

131.000 VND mỗi địa chỉ giao hàng IPD.

Phụ phí giao hàng đến nơi cư trú được áp dụng đối với các lô hàng gửi đến địa chỉ nhà riêng hoặc nơi cư trú cá nhân, bao gồm cả các địa điểm kinh doanh hoạt động tại nhà riêng, hoặc bất kỳ lô hàng nào mà người gửi đã chỉ định địa chỉ giao hàng là địa chỉ cư trú.

* FedEx áp dụng phụ phí này đối với các lô hàng IPD gửi đến Argentina, Áo, Bahamas, Bỉ, Bulgaria, Canada, Colombia, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Ireland, Ý, Latvia, Litva, Luxembourg, Hà Lan, New Zealand, Na Uy, Panama, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Cộng hòa Slovakia, Slovenia, Nam Phi, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ.

Priority Alert- Gói hàng:

1.448.000 VND mỗi lô hàng hoặc 57.920 VND mỗi kg, tùy theo số tiền nào lớn hơn, đối với IPD

FedEx Priority Alert (FPA) là một dịch vụ chuyên dụng, có tính phí và chỉ cam kết bằng hợp đồng, dành riêng cho những khách hàng có yêu cầu cao về quy trình theo dõi lô hàng cũng như tuân thủ trong giao hàng. Bằng cách kết hợp quy trình chất hàng lên đặc biệt, tăng cường theo dõi tình trạng lô hàng và quy trình phục hồi hoạt động, FPA đem đến giải pháp nâng cao và đáng tin cậy cho lô hàng của bạn. Lưu ý rằng tất cả các yêu cầu đều cần được xem xét trước khi chấp nhận để xác nhận tính sẵn có và tuân thủ của dịch vụ.

Priority Alert Plus- Gói hàng:

1.737.600 VND mỗi lô hàng hoặc 86.880 VND mỗi kg, tùy theo số tiền nào lớn hơn, đối với IPD

Dịch vụ FedEx Priority Alert Plus (FPA+) bao gồm tất cả các tính năng của FPA, cộng thêm chức năng chủ động can thiệp đối với các lô hàng nhạy cảm với nhiệt độ. Với FPA+, các bước thêm đá, bổ sung gói gel và bảo quản lạnh được bao gồm theo tiêu chuẩn của dịch vụ. Lưu ý rằng tất cả các yêu cầu đều cần được xem xét trước khi chấp nhận để xác nhận tính sẵn có và tuân thủ của dịch vụ.

Xử lý theo yêu cầu- Gói hàng:

2.625.000 VND mỗi lô hàng hoặc 115.500 VND mỗi kg, tùy theo số tiền nào lớn hơn, đối với IPD

On Demand Care (ODC) là dịch vụ tính phí dành cho các mặt hàng không phải thực phẩm, cung cấp những dịch vụ can thiệp như bổ sung Đá khô và phục hồi/thay gói gel, để bảo vệ tính toàn vẹn của các lô hàng kiểm soát nhiệt độ bị trì hoãn trong quá trình vận chuyển. Dịch vụ này không khả dụng ở một số địa điểm. Dịch vụ này không chắc chắn áp dụng mà phụ thuộc vào việc xác định lô hàng, đồng thời phải được đặt qua bộ phận Dịch vụ khách hàng.

Thuế hải quan và thuế:

Nếu một lô hàng bị áp thuế hải quan và thuế, đồng thời FedEx đóng các khoản thuế đó thay mặt cho bên có trách nhiệm đóng thuế thì bên đó phải thanh toán lại chính các khoản thuế hải quan và thuế đó cho FedEx, cộng với phụ phí của FedEx dựa trên loại lô hàng và nơi nhận hàng. Vui lòng truy cập https://www.fedex.com/vi-vn/ancillary-clearance-service.html hoặc liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng để biết chi tiết

Phụ phí và thông tin khác

(Chỉ dành cho các dịch vụ Xuất khẩu IPD và IED)

Việt Nam

Phí giá trị khai báo vận chuyển:

Trách nhiệm của FedEx đối với việc lô hàng của bạn bị mất mát, hư hại hoặc chậm trễ giới hạn ở khoảng 20,00 USD mỗi kilôgam hoặc 100,00 USD mỗi lô hàng, tùy theo số tiền nào lớn hơn. Giới hạn chính xác có thể được thể hiện bằng Quyền rút vốn đặc biệt hoặc đồng nội tệ và số tiền chính xác sẽ thay đổi tùy theo quốc gia/vùng lãnh thổ xuất xứ và loại tiền tệ. Nếu bạn muốn FedEx chịu trách nhiệm với tỉ lệ phần trăm lớn hơn của giá trị hàng thực tế thì bạn phải khai báo giá trị vận chuyển trên vận đơn hàng không của bạn và trả "phụ phí giá trị khai báo". "Phụ phí giá trị khai báo" cho lô hàng Xuất khẩu ở Việt Nam bằng 46.800 VND mỗi 2.100.000 VND (hoặc một phần của số tiền đó) theo đó giá trị khai báo vận chuyển vượt quá: (i) 2.100.000 VND hoặc (ii) 190.470 VND mỗi pound, tùy theo số tiền nào lớn hơn. Giá trị khai báo vận chuyển tối đa sau đây sẽ được áp dụng. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết chi tiết.

Giá trị khai báo vận chuyển tối đa (có thể thay đổi theo nơi nhận hàng)

International Priority DirectDistribution/Economy DirectDistribution (IPD/IED):	50.000,00 USD (hoặc giá trị tương đương bằng nội tệ)
Các lô hàng chứa mặt hàng có giá trị đặc biệt như tác phẩm nghệ thuật, đồ cổ, đồ thủy tinh, đồ trang sức, kim loại quý, lông thú, v.v.:	1.000,00 USD hoặc 20,00 USD mỗi kg, tùy theo số tiền nào lớn hơn

Thông tin trọng lượng

Không giới hạn tổng trọng lượng lô hàng. Có thể điều chỉnh trọng lượng tối đa của mỗi gói hàng. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng hoặc bộ phận Kinh doanh của chúng tôi để biết chi tiết.
Giá cước được tính trên tổng trọng lượng của tất cả gói hàng trong một vận đơn hàng không quốc tế. Bất kỳ phần nào của một kilôgam đều được làm tròn đến ngưỡng trọng lượng cao hơn tiếp theo. Việc làm tròn đó có thể gây ra chênh lệch trong các phép tính trọng lượng theo kích thước (dung trọng). Vui lòng lưu ý rằng giá cước ghi trên hóa đơn của FedEx sẽ là giá cước cuối cùng và chính thức. Các khoản phí bổ sung có thể được tính cho lô hàng dưới mức khối lượng riêng nhất định. Trọng lượng theo kích thước (dung trọng) (bằng kg) của một lô hàng IPD/IED được tính như sau. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết chi tiết.

$$\frac{\text{Dài x Rộng x Cao (cm hoặc inch)}}{\text{5.000 với cm hoặc 305 với inch}}$$

Các lô hàng dùng bao bì FedEx có thể phải áp dụng cách tính giá trọng lượng theo kích thước.

Chú thích

1 Phụ phí này chỉ áp dụng cho IPD.

Thông tin khác

- Những mức giá này (có hiệu lực cho đến khi có thông báo mới) chỉ dành cho các khách hàng duy trì tình trạng tốt với tài khoản FedEx của họ và thanh toán hóa đơn đúng hạn.
- Giá cước đã công bố chỉ nhằm mục đích tham khảo và có thể khác với giá cước cuối cùng được tính trong hóa đơn thanh toán của bạn sau khi làm tròn, đồng thời giá cước trong hóa đơn thanh toán sẽ được áp dụng và là khoản phải trả.
- FedEx có quyền sửa đổi, thay đổi hoặc ngừng chiết khấu bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.
- Như đã nói ở trên, nhiều loại phụ phí và phí có thể được áp dụng cho lô hàng của bạn bên cạnh giá ghi trong bảng giá này. Bằng việc gửi lô hàng đến FedEx, bạn đồng ý thanh toán các khoản phụ phí do FedEx xác định.
- Vui lòng lưu ý rằng lô hàng của bạn chịu sự điều chỉnh của một số tài liệu: thỏa thuận giá chiết khấu bằng thư của bạn với FedEx (nếu có), các Điều kiện của hợp đồng in trên Vận đơn hàng không FedEx cho lô hàng của bạn, Hướng dẫn dịch vụ FedEx, Điều kiện vận chuyển tiêu chuẩn của FedEx và/hoặc Điều khoản và điều kiện quốc tế của FedEx có hiệu lực tại quốc gia/vùng lãnh thổ xuất xứ. Các tài liệu này quy định những loại phụ phí, phí trên và các điều khoản quan trọng khác mà bạn cần xem xét. Nếu bạn cần hỗ trợ hoặc muốn biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của chúng tôi.
- Thuế được áp dụng chưa bao gồm trong tất cả các giá cước.
- Trường hợp Chỉnh sửa địa chỉ, nếu gói hàng được định tuyến lại đến một Quốc gia/Vùng lãnh thổ, Thành phố/Tỉnh khác thì phí vận chuyển mới có thể được áp dụng.
- Tổng phí lô hàng bao gồm các loại phí vận chuyển, phụ phí và phí bổ sung; nhưng không bao gồm thuế hải quan, thuế và phí dịch vụ thông quan bổ sung. Phụ phí lập hóa đơn cho bên thứ ba sẽ áp dụng nếu tài khoản không liên quan đến người gửi, theo quyết định riêng của FedEx, được lập hóa đơn với tư cách bên thứ ba của lô hàng.

Điều khoản và điều kiện Bảng giá cước FedEx

1. Cơ sở chỉ cam kết bằng hợp đồng. Các dịch vụ được cung cấp trên cơ sở chỉ cam kết bằng hợp đồng. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết chi tiết.
2. Kích thước tối đa của gói hàng.
   Mỗi gói hàng của một lô hàng FedEx IPD/IED có thể có kích thước tối đa 108 in/274 cm chiều dài, 70 in/178 cm chiều cao và 130 in/330 cm chiều dài cộng chu vi thiết diện.

Dành cho truy vấn

Bộ phận hỗ trợ khách hàng: https://www.fedex.com/vi-vn/customer-support/contact.html